

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2025

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Ông Bùi Đức Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXX-ST ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992

HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số C, đường B Khu Công Nghiệp, quận N, thành phố Đ, Đài Loan.

- Bị đơn: Anh Phạm Duy V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Đài Loan

(Chị T, anh V đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Duy V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/09/2015. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ ngày 21/11/2019 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian ở Đài Loan, do khoảng cách địa lý xa xôi nên vợ chồng không có điều kiện được gần gũi, quan tâm, chia sẻ nên cả hai lâu dần trở nên xa cách và bắt đầu nảy sinh mâu

thuần từ cuối năm 2020. Từ đó đến nay, chị T và anh V sống ly thân một thời gian dài, tình cảm phai nhạt. Anh V và chị T nhiều lần tìm cách hàn gắn những mâu thuẫn không cải thiện mà càng trở nên gay gắt hơn dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến nay, chị thấy quan hệ vợ chồng rơi vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 25/07/2016 hiện đang ở địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên hiện nay chị đang làm việc tại Đài Loan nên chị uỷ quyền cho mẹ đẻ của chị là bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Khu A, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ được thay chị chăm sóc cháu trong thời gian chị làm việc tại Đài Loan. Về cấp dưỡng, chị không yêu cầu anh V chu cấp cháu N.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2024, bà Bùi Thị V1 – là mẹ đẻ của anh V trình bày: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Phạm Duy V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/09/2015. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng gia đình bà V1 tại Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình được một thời gian thì khoảng tháng 01/2019 anh V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đến tháng 12/2019, chị T cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nhưng do làm việc ở 2 địa điểm khác nhau nên anh V và chị T không ở cùng nhau. Đến năm 2022, chị T không gửi tiền về và cũng không liên lạc với gia đình bà V1, chỉ thi thoảng gọi điện cho con. Từ đó đến nay, anh V về được 01 lần thăm nhà vào năm 2023 và chị T về được 01 lần năm 2022. Bà V1 đã thông báo việc chị T xin ly hôn và anh V đồng ý. Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 25/07/2016, anh V muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang lao động tại Đài Loan nên giao cháu cho bà V1 chăm sóc cháu đến khi anh V về nước. Về cấp dưỡng, bà V1 yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu N. Anh V và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung, không đóng góp gì trong khối tài sản của gia đình tôi.

- **Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2024, cháu Phạm Bảo N đều trình bày:** Hiện tại bố mẹ cháu đang đi làm ở Đài Loan và vẫn thường xuyên gọi điện cho cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và

nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Duy V, giao con Phạm Bảo N sinh ngày 25/07/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh V không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, bị đơn là Anh Phạm Duy V, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Đài Loan vắng mặt lần hai không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1992; HKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Địa chỉ hiện nay: Số C, đường B Khu Công Nghiệp, quận N, thành phố Đ, Đài Loan đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ từ Phòng C - Công an tỉnh T nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa theo quy định Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T, anh V tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 28/09/2015. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng gia đình bà V1 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình được một thời gian thì khoảng tháng 01/2019 anh V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và đến tháng 12/2019, chị T cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nhưng do làm việc ở 2 địa điểm khác nhau nên anh V và chị T không ở cùng nhau. Từ khoảng cuối năm 2020, anh V chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, không thông cảm, chia sẻ được với nhau những khó khăn của cuộc sống. Đến nay, vợ chồng anh V chị T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, ly thân, chị T xin ly hôn, anh V đồng ý. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Duy V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh V chị T có 01 con chung là Phạm Bảo N sinh ngày 25/07/2016, hiện đang ở cùng bà Bùi Thị V1 tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện nay cả anh V, chị N đều đang ở nước ngoài, cháu N đang ổn định chỗ ở và học tập tại thôn T nên cần giao cháu Phạm Bảo N cho anh Phạm Duy V nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh V uỷ quyền cho bà V1 chăm sóc cháu N trong thời gian anh V đang ở nước ngoài và việc bà V1 không yêu cầu anh V, chị

N cấp dưỡng nuôi cháu N cùng bà. Anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện không trái quy định pháp luật cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh V không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Duy V.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Bảo N sinh ngày 25/07/2016 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh V không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh V, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

3. Về quan hệ tài sản: Không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000393 ngày 03/12/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
- UBND xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Luân